

Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư FPT
FPT Fund Management
Joint Stock Company

**DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ
CẤU ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ
CHỨNG CHỈ ETF**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**BASKET OF COMPONENT
SECURITIES AND CASH
TO EXCHANGE FOR ONE LOT OF ETF**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Securities Depository, HoChiMinh Stock Exchange, Authorized Participant, Investors

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT/ FPT Fund Management Joint Stock Company
 - Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành/ Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Ha Thanh Branch
 - Tên quỹ ETF/ETF name: Quỹ ETF FPT Capital VNX50/ FPT Capital VNX50 ETF
 - Mã chứng khoán/Securities symbol: **FUEFCV50**
 - Địa chỉ trụ sở chính/Main office address: Tầng 7, Khối 17 tầng, tòa nhà FPT Tower, Số 10, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
 - Điện thoại/Tel: (84)24 - 7300 1313 Fax:
 - Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: **08/05/2025**
 - Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/1 lot of ETF = 100 000 ETF shares
- Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	ACB	1,300	2.57%
2	CTG	550	1.70%
3	DCM	300	0.84%
4	DGC	200	1.52%
5	DIG	300	0.39%
6	DPM	300	0.84%
7	EIB	600	0.94%
8	FPT	1,320	11.92%
9	FRT	100	1.43%
10	GEX	600	1.47%
11	GMD	130	0.56%
12	HCM	330	0.69%
13	HDB	1,350	2.33%
14	HPG	1,650	3.45%
15	HSG	510	0.61%
16	IDC	200	0.62%
17	KBC	500	1.00%
18	KDH	600	1.41%
19	LPB	1,700	4.51%
20	MBB	1,300	2.49%
21	MSB	1,300	1.20%
22	MSN	500	2.51%
23	MWG	1,000	4.95%
24	NLG	200	0.51%



25	PDR	590	0.81%
26	PLX	90	0.25%
27	PNJ	500	3.00%
28	POW	500	0.52%
29	PVD	300	0.45%
30	PVS	300	0.66%
31	SAB	90	0.36%
32	SHB	1,300	1.35%
33	SHS	550	0.56%
34	SSB	50	0.08%
35	SSI	1,950	3.67%
36	STB	500	1.60%
37	TCB	2,000	4.45%
38	TPB	5,000	5.72%
39	VCB	880	4.13%
40	VCG	330	0.59%
41	VCI	260	0.78%
42	VHM	500	2.55%
43	VIB	700	1.01%
44	VIC	1,000	6.04%
45	VJC	300	2.20%
46	VND	620	0.74%
47	VNM	1,000	4.71%
48	VPB	500	0.70%
49	VPI	50	0.21%
50	VRE	1,000	2.05%

-Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi /Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

-Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: 1,209,590,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,214,463,945

- Giá trị chênh lệch/Difference in value: (VND) 4,873,945

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/With cash component:

Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: *Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component*

Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: *Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
ACB	24,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
FPT	109,700	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit



